TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **225**/2018/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Tho, ngày 28 tháng 12 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 758/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 99B, tổ sáu, ấp bốn, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Châu Thị Thùy D**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 716/8 ấp Tân An T1, xã Tân T2, huyện Châu T3, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/12/2018, anh Nguyễn Đức C và chị Châu Thị Thùy D thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Châu Thị Thùy D thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 09/4/2009 và Nguyễn Châu Linh N, sinh ngày 22/9/2012 cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Châu Thị Thùy D đóng góp nuôi cháu N với anh C số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không phải đóng góp nuôi cháu Nguyễn Đức T với anh C do anh C không yêu cầu.

Kể từ ngày anh Nguyễn Đức C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Châu Thị Thùy D chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị Châu Thị Thùy D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức C và Châu Thị Thùy D mỗi người

phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu số 0013374 và 0013375 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT nên anh, chị đã nộp xong.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Châu Thị Thùy D thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 09/4/2009 và Nguyễn Châu Linh N, sinh ngày 22/9/2012 cho anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Châu Thị Thùy D đóng góp nuôi cháu N với anh C số tiền 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không phải đóng góp nuôi cháu Nguyễn Đức T với anh C do anh C không yêu cầu.

Kể từ ngày anh Nguyễn Đức C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Châu Thị Thùy D chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị Châu Thị Thùy D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức C và Châu Thị Thùy D mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu số 0013374 và 0013375 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT nên anh, chị đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Anh Nguyễn Đức C
- Chị Châu Thị Thùy D;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.MT, TG;
- Chi cục THADS TP.MT, TG;
- UBND xã Tân T1, huyện Châu T2, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đinh Thị Sang